TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 696/2022/DS-PT
Ngày 28 tháng 9 năm 2022
"V/v tranh chấp thừa kế".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hồng.

Các thẩm phán: Ông Lê Hoàng Tấn.

Bà Trần Thị Hòa Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Hiển - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Đặng Quốc Việt - Kiểm sát viên cao cấp.

Trong các ngày 22 và 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 263/2022/TLPT-DS ngày 12 tháng 7 năm 2022 về việc *"Tranh chấp thừa kế"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2022/DS-ST ngày 12/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1515/2022/QĐPT-DS ngày 08 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Hoài N, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Số 46 đường N, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Lê Thị Hồng N, sinh năm 1964.

2.2. Chị Nguyễn Lê Hoài T, sinh năm 1998.

2.3. Chị Nguyễn Lê Hoài M, sinh năm 2005.

Địa chỉ: Số 12 đường M, Phường 9, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Địa chỉ liên lạc: Số 35 đường N2, Phường 1, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2.4. Chị Nguyễn Lê Hoài A (Nguyen Le Hoai A), sinh năm 1992.

Địa chỉ: 14003 15th Ave NE WA 98125, Hoa Kỳ.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Phan Thị Lệ T, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Số 93 đường N3, Phường 2, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng (Theo văn bản ủy quyền ngày 20/10/2021 và ngày 19/3/2022 lập tại Đại sứ quán của Việt Nam tại Hoa Kỳ) ,có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1959 (Có văn bản xin xét xử vắng mặt).

3.2. Chị Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1986, có mặt.

3.3. Chị Nguyễn Thị Hồng P, sinh năm 1989, có mặt.

Địa chỉ: Số 103-B8 khu 5 tầng đường NTH, Phường 7, thành phố VT, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

4. Ngân hàng thương mại cổ phần CT Việt Nam.

Địa chỉ: Số 108 phố Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ liên lạc: Số 5 đường LĐH, Phường 3, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng (Có văn bản xin vắng mặt).

4. Người kháng cáo:

4.1. Bà Nguyễn Hoài N – Là nguyên đơn

4.2. Bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị Hồng T, bà Nguyễn Thị Hồng P - Là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Hoài N và đơn khởi kiện bổ sung ngày 20/10/2021 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Mạnh H1 là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Hoài N trình bày:

Cụ Nguyễn Hồng T (chết năm 1994), cụ Hoàng Thị Hồng V (chết năm 2017), cụ Nguyễn Hồng T và cụ Hoàng Thị Hồng V 03 người con chung gồm bà Nguyễn Hoài N; ông Nguyễn Hồng N (chết năm 1997 có vợ là bà Nguyễn Thị B, có con chị Nguyễn Thị Hồng T, chị Nguyễn Thị Hồng P) và ông Nguyễn Mạnh H (chết năm 2019 có vợ là bà Lê Thị Hồng N, có con là chị Nguyễn Lê Hoài A, chị Nguyễn Lê Hoài T, chị Nguyễn Lê Hoài M). Quá trình chung sống vợ chồng cụ Nguyễn Hồng T và cụ Hoàng Thị Hồng V tạo lập được khối tài sản chung là quyền sử dụng đất diện tích 300m^2 đất ở và 1.209m^2 đất tạm giao thuộc thửa 50, tờ bản đồ số C71-I, tọa lạc tại số 04, đường M, Phường 9, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4201090820 do Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp ngày 20/5/2004 mang tên cụ Hoàng Thị Hồng V.

Nguồn gốc nhà, quyền sử dụng đất nói trên do Học viện Lục quân cấp cho vợ chồng cụ Nguyễn Hồng T, cụ Hoàng Thị Hồng V ở từ năm 1976 đến năm 1994 cụ Nguyễn Hồng T chết thì cụ Hoàng Thị Hồng V mới đứng ra làm các thủ tục để mua nhà hóa giá. Do đó Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số chỉ mang tên cụ Hoàng Thị Hồng V. Tiền mua nhà hóa giá là của cụ Hoàng Thị Hồng V trả toàn bộ chi phí mua nhà. Năm 1994 thì vợ chồng ông Nguyễn Mạnh H, bà Lê Thị Hồng N mới về sinh sống chung với cụ Hoàng Thị Hồng V tại căn nhà này, trong quá trình sinh sống thì cụ Hoàng Thị Hồng V phải chăm lo việc nhà cửa,

cơm nước, chăm sóc các cháu là con của bà Lê Thị Hồng N. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang thế chấp tại Ngân hàng là do cụ Hoàng Thị Hồng V ủy quyền cho ông Nguyễn Mạnh H mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Nguyễn Mạnh H vay tiền tại Ngân hàng thương mại cổ phần CT Việt Nam, Chi nhánh Lâm Đồng là sử dụng vào mục đích cá nhân của vợ chồng ông Nguyễn Mạnh H, bà Lê Thị Hồng N.

Năm 1994 cụ Nguyễn Hồng T chết, năm 2017 cụ Hoàng Thị Hồng V chết không để lại di chúc. Hiện nay Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên đang thế chấp tại Ngân hàng thương mại cổ phần CT Việt Nam, Chi nhánh tỉnh Lâm Đồng. Sau khi cụ Hoàng Thị Hồng V chết, bà Nguyễn Hoài N đã nhiều lần yêu cầu ông Nguyễn Mạnh H đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng ông Nguyễn Mạnh H không đưa cho bà, sau đó ông Nguyễn Mạnh H chết nên bà Nguyễn Hoài N yêu cầu Tòa án giải quyết: phân chia di sản thừa kế đối với diện tích quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất 300m^2, thuộc thửa 50, tờ bản đồ số C71-I và diện tích 1.209,85m^2 đất tạm giao theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4201090820 do Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp ngày 20/5/2004 mang tên cụ Hoàng Thị Hồng V theo quy định của pháp luật.

Nay bà Nguyễn Hoài N xin nhận bằng hiện vật để thờ cúng cha mẹ do bà là con đẻ của cụ Nguyễn Hồng T và cụ Hoàng Thị Hồng V, bà sẽ có trách nhiệm thanh toán cho bà Lê Thị Hồng N và bà Nguyễn Thị B, mỗi người 1/3 giá trị tài sản.

- Bị đơn bà Lê Thị Hồng N, chị Nguyễn Lê Hoài T, chị Nguyễn Lê Hoài M, chị Nguyễn Lê Hoài A có bà Phan Thị Lệ T là người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày: Bị đơn thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về mối quan hệ huyết thống và hàng thừa kế của vợ chồng cụ Nguyễn Hồng T và cụ Hoàng Thị Hồng V.

Đối với diện tích nhà và quyền sử dụng đất tọa lạc số 04 (12 mới), đường M, Phường 9, thành phố Đ thì có nguồn gốc của Học viện Lục quân quản lý và cấp cho cụ Nguyễn Hồng T, cụ Hoàng Thị Hồng V ở. Năm 1989 bà Lê Thị Hồng N kết hôn với ông Nguyễn Mạnh H và sống cùng cụ Nguyễn Hồng T, cụ Hoàng Thị Hồng V tại diện tích nhà đất này, năm 1990 bà Nguyễn Hoài N lấy chồng và sống tại thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Năm 1994 cụ Nguyễn Hồng T chết, ngày 09/12/1998 cụ Hoàng Thị Hồng V ký hợp đồng thuê nhà với Trung tâm quản lý nhà thành phố Đ với giá thuê là 128.897đồng/tháng, tiền thuê nhà được thanh toán theo quý. Sau khi có chủ trương bán hóa giá nhà cho thuê, Trung tâm quản lý nhà thành phố Đ thu tiền vào các đợt: Từ tháng 7 đến tháng 12/2001; từ tháng 01/2002 đến tháng 12/2002; tháng 01/2003 đến tháng 11/2003; tháng 01/2003 đến tháng 12/2003. Từ tháng 9/2003 trở đi tiền thuê nhà hàng tháng là 413.500đồng theo Hợp đồng thuê nhà ngày 19/9/2003.

Tiền thuê nhà là của vợ chồng ông Nguyễn Mạnh H, bà Lê Thị Hồng N do ông Nguyễn Mạnh H là người trực tiếp thanh toán tiền thuê nhà cho Trung tâm quản lý nhà thành phố Đ. Năm 2000 đến năm 2002 Công ty kinh doanh phát triển nhà Lâm Đồng tiến hành thủ tục bán nhà ở thuộc sở hữu của nhà nước cho người đang thuê nhà tại thành phố Đ, do anh Hùng có cùng địa chỉ và con duy nhất trong

nhà nên ông Nguyễn Mạnh H cùng cụ Hoàng Thị Hồng V yêu cầu được mua nhà hóa giá, thỏa thuận phương án thanh toán.

Ngày 04/9/2002 Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng có Quyết định số 2265/QĐ-UB về việc bán hóa giá nhà thuộc sở hữu nhà nước cho người đang thuê cho cụ Hoàng Thị Hồng V với giá là 130.249.000đồng; ngày 17/02/2003 ban hành Quyết định số 538/QĐ-UB hỗ trợ tiền sử dụng đất cho người có công, theo đó cụ Hoàng Thị Hồng V được hỗ trợ 75% trên 300m^2 diện tích đất ở. Ngày 21/11/2003, cụ Hoàng Thị Hồng V ký hợp đồng mua nhà với Trung tâm quản lý nhà thành phố Đ diện tích 86,53m^2, diện tích sử dụng là 164,81m^2, tỷ lệ chất lượng còn lại là 55,5%, diện tích đất ở được quyền sử dụng là 300m^2, giá là 130.249.000 đồng. Trừ đi các khoản được giảm (tiền hỗ trợ, thanh toán tiền mua nhà trước 01 lần...), số tiền còn lại phải thanh toán là 68.483.100đồng, phần diện tích còn lại được tạm giao cho hộ gia đình quản lý, sử dụng. Sau đó ông Nguyễn Mạnh H đã trực tiếp thanh toán tiền vào Kho bạc nhà nước ngày 18/02/2003.

Ngày 20/5/2004 cụ Hoàng Thị Hồng V được cấp Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số 4201090820 đối với diện tích xây dựng là 86,53m^2, diện tích sử dụng là 164,81m^2 trên diện tích đất ở 300m^2, riêng diện tích đất tạm giao 1.209,85m^2 do nằm trong quy hoạch nên được ghi chú tại Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở "Khi thu hồi đất, nhà nước không bồi thường thiệt hại về đất, không bồi thường công trình kiến trúc trên đất, chỉ bồi thường hoa màu trên đất nếu có theo quy định của pháp luật".

Trong quá trình chung sống tại nhà đất nói trên, vợ chồng ông Nguyễn Mạnh H, bà Lê Thị Hồng N đã tiến hành sửa chữa nhà vào các năm 2003, 2004, 2017 đến năm 2018. Ngày 20/8/2017 cụ Hoàng Thị Hồng V chết không để lại di chúc, ngày 26/12/2019 ông Nguyễn Mạnh H chết.

Sau khi ông Nguyễn Mạnh H chết thì bà Nguyễn Hoài N khởi kiện yêu cầu phân chia thừa kế, bà Lê Thị Hồng N đồng ý chia di sản thừa kế là căn nhà nằm trên diện tích đất 300m^2 nhưng được khấu trừ tiền thuê nhà và tiền mua nhà hóa giá, sửa chữa, tôn tạo nhà mà vợ chồng ông Nguyễn Mạnh H, bà Lê Thị Hồng N đã bỏ ra, bà Lê Thị Hồng N xin được nhận bằng hiện vật để tiếp tục thờ cúng. Riêng diện tích xung quanh nhà là đất tạm giao của nhà nước nên không đưa vào di sản thừa kế của cụ Nguyễn Hồng T, cụ Hoàng Thị Hồng V.

Hiện nay Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở mang tên cụ Hoàng Thị Hồng V đang được lưu giữ tại Ngân hàng thương mại cổ phần CT Việt Nam, Chi nhánh Lâm Đồng, lý do ngày 03/4/2015 cụ Hoàng Thị Hồng V có bảo lãnh cho Công ty trách nhiệm hữu hạn AT (Công ty do ông Nguyễn Mạnh H thành lập) vay số tiền 1.700.000.000 đồng và có thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ trên. Năm 2018 vợ chồng ông Nguyễn Mạnh H, bà Lê Thị Hồng N đã thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc và tiền lãi cho Ngân hàng nhưng chưa lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì thời điểm đó đang có sự tranh chấp trong gia đình. Sau khi ông Nguyễn Mạnh H chết Ngân hàng không giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lê Thị Hồng N.

Bà Lê Thị Hồng N vẫn xác định nguồn gốc đất như bà Nguyễn Hoài N trình bày, tuy nhiên đến năm 1998 cụ Hoàng Thị Hồng V mới được thuê nhà, bà Lê Thị

Hồng N xác định tài sản nói trên do cụ Nguyễn Hồng T, cụ Hoàng Thị Hồng V để lại, bà Lê Thị Hồng N đã quản lý, sử dụng diện tích nhà và Quyền sử dụng đất từ năm 1989 cùng với ông Nguyễn Mạnh H và cụ Hoàng Thị Hồng V, vợ chồng ông Nguyễn Mạnh H, bà Lê Thị Hồng N là người trả tiền thuê nhà, do đó bà Lê Thị Hồng N yêu cầu được nhận bằng hiện vật và thanh toán kỷ phần cho bà Nguyễn Hoài N, bà Nguyễn Thị B theo quy định. Đồng thời bà Lê Thị Hồng N yêu cầu thanh toán công sức đóng góp về việc quản lý, duy trì tài sản, trừ phần tiền của bà Lê Thị Hồng N đã bỏ ra mua nhà số tiền 68.483.100đ, đã được trừ 75% nhà nước hỗ trợ tiền sử dụng đất cho cụ Hoàng Thị Hồng V.

- Theo lời trình bày anh Nguyễn Văn Linh, là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị B, chị Nguyễn Thị Hồng T, chị Nguyễn Thị Hồng P, trình bày: bà Lê Thị Hồng N cho rằng tiền mua hóa giá và tiền thuê nhà do vợ chồng bà Lê Thị Hồng N bỏ tiền ra thanh toán là không đúng, vì nghe cụ Hoàng Thị Hồng V kể lại với gia đình cụ có nhờ vợ chồng bà Lê Thị Hồng N thanh toán tiền mua nhà, số tiền mua nhà là tài sản riêng của cụ Hoàng Thị Hồng V. Yêu cầu nhận hiện vật để thanh toán giá trị cho bà Nguyễn Hoài N và bà Lê Thị Hồng N.

- Ngân hàng thương mại cổ phần CT Việt Nam chi nhánh tỉnh Lâm Đồng có ý kiến: Trước đây cụ Hoàng Thị Hồng V có ký hợp đồng thế chấp số 2015/037/12 ngày 03/4/2015 để thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa 50 tờ bản đồ số C71-1 tọa lạc tại số 4 đường M, Phường 9, thành phố Đ theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 4201090820 ngày 20/5/2004 thuộc thửa 50 tờ bản đồ C71- I tọa lạc tại số 4 đường M, Phường 9, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng mang tên cụ Hoàng Thị Hồng V, để bảo đảm nghĩa vụ vay vốn của Công ty trách nhiệm hữu hạn AT. Hiện nay Công ty AT đã thanh toán xong nghĩa vụ vay vốn của ngân hàng. Toàn bộ hồ sơ thế chấp đang lưu giữ tại ngân hàng. Do đó Ngân hàng Công thương Việt Nam chi nhánh tỉnh Lâm Đồng đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt ngân hàng theo quy định của pháp luật.

- Tại bản án dân sự sơ thẩm số 13/2022/DS-ST ngày 12/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã quyết định:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; căn cứ Pháp lệnh thừa kế năm 1990; Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 679 Bộ luật dân sự năm 1995; Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 651, Điều 654 Bộ luật dân sự sự năm 2015; các khoản 4, 5, 6 Điều 26, các điểm a, b khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016; Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Hoài N và chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị B, chị Nguyễn Thị Hồng T, chị Nguyễn Thị Hồng P về việc tranh chấp di sản thừa kế.

- Xác định hàng thừa kế của cụ Nguyễn Hồng T, cụ Hoàng Thị Hồng V gồm ông Nguyễn Hồng N, ông Nguyễn Mạnh H, bà Nguyễn Hoài N.

- Xác định lô đất có diện tích 300m^2 và căn nhà trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 4201090820 mang tên cụ Hoàng Thị Hồng V được cấp ngày 20/5/2004 thuộc thửa 50 tờ bản đồ C71- I tọa lạc tại số 4

đường M, Phường 9, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng là di sản của cụ Nguyễn Hồng T và cụ Hoàng Thị Hồng V để lại có tổng giá trị là 12.353.346.600đồng.

Buộc bà Lê Thị Hồng N có trách nhiệm chia cho bà Nguyễn Hoài N phần giá trị di sản được hưởng 3.544.279.355đồng; bà Nguyễn Thị B 428.935.645đồng; chị Nguyễn Thị Hồng T 1.073.927.764đồng, Nguyễn Thị Hồng P 1.073.927.764đồng

Tạm giao cho bà Lê Thị Hồng N quản lý phần giá trị di sản của những người thuộc hàng thừa kế của ông Nguyễn Mạnh H là 2.688.000.714đồng. Trong trường hợp những người thuộc hàng thừa kế của ông Nguyễn Mạnh H có tranh chấp thì được giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

- Buộc Ngân hàng thương mại cổ phần CT Việt Nam chi nhánh tỉnh Lâm Đồng có trách nhiệm trả lại cho bà Lê Thị Hồng N, chị Nguyễn Lê Hoài A, chị Nguyễn Lê Hoài T và chị Nguyễn Lê Hoài M 01 Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 4201090820 ngày 20/5/2004 thuộc thửa 50 tờ bản đồ C71- I tọa lạc tại số 4 đường M, Phường 9, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng mang tên cụ Hoàng Thị Hồng V.

- Bà Lê Thị Hồng N, chị Nguyễn Lê Hoài A, chị Nguyễn Lê Hoài T và chị Nguyễn Lê Hoài M được quyền quản lý, sử dụng, sở hữu căn nhà và quyền sử dụng đất thuộc thửa 50 tờ bản đồ C71- I tọa lạc tại số 4 (12 mới) đường M, Phường 9, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Trong đó căn nhà có diện tích 126,1m^2 tọa lạc trên lô đất có diện tích 300m^2.

- Tạm giao cho bà Lê Thị Hồng N, chị Nguyễn Lê Hoài A, chị Nguyễn Lê Hoài T và chị Nguyễn Lê Hoài M được quyền quản lý, sử dụng, diện tích đất tạm giao là 1.168,7m^2 tọa lạc tại số 4 (12 mới) đường M, Phường 9, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Khi Nhà nước có chủ trương thu hồi thì phải thực hiện theo Luật đất đai.

Tạm giao cho bà Lê Thị Hồng N, chị Nguyễn Lê Hoài A, chị Nguyễn Lê Hoài T và chị Nguyễn Lê Hoài M được quyền quản lý, sử dụng, diện tích đất thuộc lộ giới 124,3m^2 tọa lạc tại số 4 (12 mới) đường M, Phường 9, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Khi Nhà nước có chủ trương thu hồi thì phải thực hiện theo Luật đất đai.

(Có họa đồ đo đạc hiện trạng sử dụng đất do Công ty trách nhiệm hữu hạn ATL Đồng thực hiện ngày 08/12/2021 kèm theo)

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng; về án phí dân sự sơ thẩm; về lãi suất do chậm thi hành án; về nghĩa vụ thi hành án; về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 18/4/2022 nguyên đơn bà Nguyễn Hoài N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu sửa án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Lý do kháng cáo là do Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, thực hiện việc xem xét định giá không đúng với thực tế giá trị tài sản, chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện là không khách quan, xâm phạm quyền lợi của nguyên đơn.

- Ngày 21/4/2022 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị Hồng T, Nguyễn Thị Hồng P kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do: Bản án sơ thẩm chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn giải

quyết chia di sản thừa kế đối với 300m^2 đất và phần đất tạm giao 1.209m^2 đất cùng tài sản gắn liền với đất là không khách quan, trái quy định của pháp luật, xâm phạm đến quyền lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Hoài N giữ nguyên kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Hồng T và cụ Hoàng Thị Hồng V để lại là căn nhà gắn trên diện tích đất ở 300m^2 và diện tích đất tạm giao 1.209,85m^2 thuộc số thửa 50 tờ bản đồ C71-I tọa lạc tại số 4 đường M Phường 9, thành phố Đ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gắn với quyền sở hữu nhà ở số do Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp cho cụ Hoàng Thị Hồng V. Bà Nguyễn Hoài N yêu cầu nhận bằng hiện vật là căn nhà gắn trên diện tích đất ở 300m^2 và diện tích đất tạm giao 1.209,85m^2 thuộc số thửa 50 tờ bản đồ C71-I tọa lạc tại số 4 đường M, Phường 9, thành phố Đ để thờ cúng. Bà Nguyễn Hoài N đồng ý chia di sản thừa kế bằng tiền cho các đồng thừa kế.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Hồng T, Nguyễn Thị Hồng P giữ nguyên yêu cầu kháng cáo không đồng ý về việc xác định công sức của bà Lê Thị Hồng N. Yêu cầu chia di sản của cụ Nguyễn Hồng T và cụ Hoàng Thị Hồng V để lại cho ba người là ông Nguyễn Hồng N, ông Nguyễn Mạnh H và bà Nguyễn Hoài N. Do ông Nguyễn Mạnh H và ông Nguyễn Hồng N đã chết nên yêu cầu giao hiện vật căn nhà và đất cho bà Nguyễn Hoài N để bà Nguyễn Hoài N thờ cúng cụ Nguyễn Hồng T và cụ Hoàng Thị Hồng V.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B có kháng cáo yêu cầu giao căn nhà và đất của cụ Hoàng Thị Hồng V để lại cho bà Nguyễn Hoài N và xin nhận giá trị bằng tiền của kỷ phần thừa kế theo pháp luật, bà Nguyễn Thị B có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bà Thủy đại diện theo ủy quyền của các bị đơn có ý kiến: Bị đơn thừa nhận tài sản của cụ Nguyễn Hồng T và cụ Hoàng Thị Hồng V. Tuy nhiên vợ chồng ông Nguyễn Mạnh H, bà Lê Thị Hồng N đã bỏ tiền ra để đóng tiền mua nhà, vợ chồng ông Nguyễn Mạnh H bà Lê Thị Hồng N đã ở tại căn nhà này từ năm 1989 đến nay. Bà Lê Thị Hồng N và các con thống nhất trị giá căn nhà và 300m^2 đất bằng 16 tỷ đồng và trừ công sức đóng góp của vợ chồng ông Nguyễn Mạnh H, bà Lê Thị Hồng N. Còn lại 12 tỷ đồng ý chia giá trị cho các đồng thừa kế. Riêng diện tích 1.200m^2 đất Nhà nước tạm giao không đồng ý chia thừa kế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Hoài N và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thảo, bà Phương, bà Nguyễn Thị B hợp lệ đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Các đương sự trong vụ án đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị xét xử phúc thẩm vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chưa có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Hoài N và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị Hồng T, Nguyễn Thị Hồng P làm trong thời hạn luật định, đủ điều kiện để xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có văn bản xin xét xử vắng mặt. Nên Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Căn nhà và diện tích 300m^2 đất ở thuộc thửa 50, tờ bản đồ số C71-I, diện tích 1.209,85m^2 đất có nguồn gốc do Học viện Lục quân quản lý và giao cho vợ chồng cụ Nguyễn Hồng T, cụ Hoàng Thị Hồng V từ năm 1976 đến năm 1994 cụ Nguyễn Hồng T chết. Năm 1998 cụ Hoàng Thị Hồng V được Nhà nước cho thuê và đứng tên ký hợp đồng thuê nhà với Công ty kinh doanh và Phát triển nhà Lâm Đồng. Đến năm 2003 cụ Hoàng Thị Hồng V được Nhà nước hóa giá để mua nhà và cụ Hoàng Thị Hồng V được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở diện tích 300m^2 đất ở thuộc thửa 50, tờ bản đồ số C71-I và diện tích 1.209,85m^2 đất tạm giao theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4201090820 do Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp ngày 20/5/2004 mang tên cụ Hoàng Thị Hồng V. Đến năm 2017 cụ Hoàng Thị Hồng V chết.

Do đó căn nhà và quyền sử dụng đất ở diện tích 300m^2 đất ở thuộc thửa 50, tờ bản đồ số C71-I và diện tích 1.209,85m^2 đất tạm giao tọa lạc tại số 4 (12 mới) đường M, Phường 9, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng được xác định là di sản của cụ Nguyễn Hồng T và cụ Hoàng Thị Hồng V để lại theo Hướng dẫn tại điểm 1.1. mục 1 Phần II của Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết các vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình về thừa kế, tranh chấp liên quan đến quyền sử dụng đất.

[3] Các đương sự thống nhất khai hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Hồng T, cụ Hoàng Thị Hồng V là 03 người con cụ Nguyễn Hồng T và cụ Hoàng Thị Hồng V gồm ông Nguyễn Hồng N, ông Nguyễn Mạnh H và bà Nguyễn Hoài N. Năm 1997 ông Nguyễn Hồng N chết có vợ là bà Nguyễn Thị B, có 02 con là chị Nguyễn Thị Hồng T và chị Nguyễn Thị Hồng P – là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án; Năm 2019 ông Nguyễn Mạnh H chết 2019 có vợ là bà Lê Thị Hồng N và có 03 con là chị Nguyễn Lê Hoài A, chị Nguyễn Lê Hoài T và chị Nguyễn Lê Hoài M.

[4] Đối với căn nhà và quyền sử dụng đất ở diện tích 300m^2 đất ở thuộc thửa 50, tờ bản đồ số C71-I tọa lạc tại số 4 (12 mới) đường M, Phường 9, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng:

[4.1] Nguyên đơn bà Nguyễn Hoài N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B, chị Nguyễn Thị Hồng T, chị Nguyễn Thị Hồng P yêu cầu chia di sản của cụ Nguyễn Hồng T và cụ Hoàng Thị Hồng V để lại và yêu cầu giao cho bà Nguyễn Hoài N được nhận căn nhà gắn liền với đất để thờ cúng cha mẹ là cụ Nguyễn Hồng T và cụ Hoàng Thị Hồng V. Bà Nguyễn Hoài N đồng ý chia giá trị di sản bằng tiền cho các đồng thừa kế.

Bị đơn bà Lê Thị Hồng N và các con của bà Lê Thị Hồng N đều thừa nhận di sản của cụ Nguyễn Hồng T và cụ Hoàng Thị Hồng V để lại là căn nhà gắn trên 300m^2 đất ở thuộc thửa 50, tờ bản đồ số C71-I tọa lạc tại số 4 (12 mới) đường M, Phường 9, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Bà Lê Thị Hồng N và các con thống nhất trị giá căn nhà và 300m^2 đất ở trị giá bằng 16.000.000.000đồng và trừ công sức đóng góp của vợ chồng ông Nguyễn Mạnh H, bà Lê Thị Hồng N. Còn lại 12.000.000.000đồng, đồng ý chia giá trị cho các đồng thừa kế và không đồng ý giao cho bà Nguyễn Hoài N nhận căn nhà.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 650 Bộ luật dân sự năm 2015 thì: "*Những người thừa kế có quyền yêu cầu phân chia di sản bằng hiện vật; nếu không thể chia đều bằng hiện vật thì những người thừa kế có thể thỏa thuận về việc định giá hiện vật và thỏa thuận về người nhận hiện vật; nếu không thỏa thuận được thì hiện vật được bán để chia"*. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định việc chia bằng hiện vật không đảm bảo việc tách thửa theo Quyết định số 04/2021/QĐ-UBND ngày 19/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng quy định điều kiện tách thửa đất, điều kiện hợp thửa đất và diện tích tối thiểu được tách thửa đối với từng loại đất trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng và bà Lê Thị Hồng N không có chỗ ở nào khác để giao cho bà Lê Thị Hồng N và các con của bà Lê Thị Hồng N được nhận căn nhà gắn trên 300m^2 đất ở thuộc thửa 50, tờ bản đồ số C71-I tọa lạc tại số 4 (12 mới) đường M, Phường 9, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng và bà Lê Thị Hồng N hoàn trả giá trị di sản cho những người thừa kế của cụ Nguyễn Hồng T và cụ Hoàng Thị Hồng V.

Tuy nhiên, tại khoản 3 Điều 1 của Quyết định 04/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng quy định: Quyết định này không áp dụng cho các trường hợp sau: a) Các trường hợp đã có quy hoạch chi tiết xây dựng, quy hoạch phân lô, quy hoạch xây dựng của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì việc tách, hợp thửa thực hiện theo các quy hoạch này; b) Các trường khác không nêu tại khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.

Như vậy việc phân chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất không thuộc trường hợp quy định điều kiện tách theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 1 của Quyết định số 04/2021/QĐ-UBND. Hơn nữa, trong vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Hoài N thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Hồng T và cụ Hoàng Thị Hồng V có nguyện vọng xin nhận di sản thừa kế bằng hiện vật để thờ cúng cha mẹ là cụ Nguyễn Hồng T và cụ Hoàng Thị Hồng V; đồng thời những người thừa kế thế vị của ông Nguyễn Hồng N (chị Nguyễn Thị Hồng T, chị Nguyễn Thị Hồng P) đều

yêu cầu chia di sản bằng hiện vật và đồng ý giao hiện vật căn nhà cho bà Nguyễn Hoài N nhận để làm nơi thờ cúng và bà Nguyễn Hoài N hoàn trả giá trị di sản cho các đồng thừa kế và bà Lê Thị Hồng N thì không thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Hồng T và cụ Hoàng Thị Hồng V, các chị Nguyễn Lê Hoài T, Nguyễn Lê Hoài M, Nguyễn Lê Hoài A là cháu nội của cụ Nguyễn Hồng T, cụ Hoàng Thị Hồng V trong đó có chị Nguyễn Lê Hoài A là người Việt Nam đang định cư tại nước ngoài.

Do đó xét yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Hoài N và người thừa kế thế vị của ông Nguyễn Hồng N yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế căn nhà gắn trên 300m^2 đất ở thuộc thửa 50, tờ bản đồ số C71-I tọa lạc tại số 4 (12 mới) đường M, Phường 9, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng và phân chia di sản bằng hiện vật cho các đồng thừa kế là phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 về phân chia di sản thừa kế. Tuy nhiên khi chia di sản bằng hiện vật cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Hồng T và cụ Hoàng Thị Hồng V, cần xem xét tính chi phí sửa chữa căn nhà do bà Lê Thị Hồng N đã bỏ ra trong thời gian quản lý căn nhà tại số 4 đường M để trả lại cho bà Lê Thị Hồng N theo quy định của pháp luật về công sức quản lý, gìn giữ di sản.

Tại cấp sơ thẩm bà Lê Thị Hồng N khai trong quá trình sử dụng có sửa chữa nhiều lần nhưng không xác định được số tiền sửa chữa nhà. Tòa án có tiến hành xem xét thẩm định, định giá tài sản. Tại Chứng thư thẩm định giá ngày 10/02/2022 của Công ty Cổ phần thẩm định giá Việt Thanh đã định giá toàn bộ căn nhà diện tích 161,81m^2 trị giá thành tiền là 1.167.836.244 đồng, nhưng không xác định phần giá trị sửa chữa nhà của bà Lê Thị Hồng N đã thực hiện, nên chưa đủ căn cứ xem xét giải quyết phần tiền của bà Lê Thị Hồng N đã bỏ ra để sửa chữa nhà khi chia di sản thừa kế là chưa đảm bảo quyền lợi của bà Lê Thị Hồng N.

Mặt khác, khi phần chia di sản căn nhà 126,1m^2 gắn trên diện tích 300m^2 đất ở thuộc thửa 50 có tiếp giáp với phần lộ giới – đường M. Cấp sơ thẩm chưa tiến hành đo đạc, xác định diện tích 300m^2 đất ở có gắn căn nhà và diện tích phần lộ giới giáp với diện tích 300m^2 đất ở mà chỉ xác định tổng diện tích đất theo hiện trạng sử dụng 1.593,0m^2 theo họa đồ đo đạc hiện trạng sử dụng đất lập ngày 08/12/2021. Do đó khi phân chia di sản bằng hiện vật căn nhà gắn trên diện tích 300m^2 đất ở nhưng không tạm giao sử dụng diện tích đất nằm trong phần lộ giới tiếp giáp với đường M chưa đảm bảo việc sử dụng căn nhà để đi ra đường công cộng.

[4.2] Đối với số tiền mua nhà: Căn cứ "Hợp đồng mua bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước số 68A/18/2003/HĐ-BN ngày 21/11/2003" (Bút lục 230, 231) thể hiện: Diện tích đất hiện trạng là 1.509,85m^2, diện tích đất ở chuyển quyền sử dụng là 300m^2; diện tích đất còn lại 1.209,85m^2 tạm giao cho hộ gia đình quản lý, sử dụng (Theo quyết định số 90/2001/QĐ-UB ngày 11/10/2002 của UBND Lâm Đồng). Giá bán nhà là 130.249.000 đồng trong đó: Giá nhà ở: 70.249.000 đồng, giá đất ở 60.000.000 đồng. Tại Điều IlI của hợp đồng quy định về phương thức thanh "... bên mua nhà chọn: Thanh toán một lần". Sau khi trừ đi các khoản được giảm là 61.756.900 đồng gồm: Tiền sử dụng đất được hỗ trợ là 45.000.000 đồng; giảm tiền mua nhà là 7.490.000 đồng; giảm tiền mua nhà do thanh toán một lần 10% là 6.275.900 đồng; giảm tiền sử dụng đất 20% là 3.000.000 đồng, số tiền còn phải thanh toán là 68.483.100 đồng.

Nguyên đơn bà Nguyễn Hoài N khai số tiền 68.483.100đồng trả tiền mua nhà là khoản tiền riêng của cụ Hoàng Thị Hồng V dành dụm. Vợ chồng ông Nguyễn Mạnh H, bà Lê Thị Hồng N chỉ là người đi đóng tiền dùm cụ Hoàng Thị Hồng V. Còn người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Hồng N thì khai rằng toàn bộ số tiền trả tiền mua nhà là vợ chồng bà Lê Thị Hồng N đã bỏ ra.

Căn cứ Giấy nộp tiền ngày 18/11/2003 với tổng số tiền 68.483.100 đồng thể hiện: Trên giấy nộp tiền ghi tên người nộp tiền là Hoàng Thị Hồng V; nội dung nộp tiền mua nhà ở thuộc sở hữu nhà nước thanh toán một lần; ký tên nộp tiền Nguyễn Mạnh H (Bút lục số 418). Xét thấy tại thời điểm ông Nguyễn Mạnh H đi nộp tiền mua nhà thì cụ Hoàng Thị Hồng V đang sống chung nhà với vợ chồng ông Nguyễn Mạnh H, bà Lê Thị Hồng N. Căn cứ vào sổ ghi chép của cụ Hoàng Thị Hồng V (do bà Lê Thị Hồng N cung cấp) thể hiện khi còn sống cụ Hoàng Thị Hồng V đã ghi lại các khoản tiền thu, chi của cụ Hoàng Thị Hồng V cho thấy cụ Hoàng Thị Hồng V cũng có thu nhập từ khoản tiền lương hưu, tiền góp họ... Thời điểm này ông Nguyễn Mạnh H đang tham gia công tác và bà Lê Thị Hồng N có kinh doanh mua bán. Cấp sơ thẩm căn cứ vào giấy nộp tiền do ông Nguyễn Mạnh H ký tên để xác định toàn bộ số tiền 68.483.100 đồng là của vợ chồng ông Nguyễn Mạnh H, bà Lê Thị Hồng N đã bỏ ra để trả tiền nhà là chưa đủ căn cứ.

[5] Theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4201090820 do Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp ngày 20/5/2004 mang tên cụ Hoàng Thị Hồng V địa chỉ số 04, đường M, Phường 9, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng diện tích đất ở 300m^2 thuộc số thửa 50 tờ bản đồ số C71-1 có gắn căn nhà với diện tích xây dựng là 86,53m², diện tích sử dụng là 164,81m² trên diện tích đất ở 300m^2 ; riêng diện tích đất tạm giao 1.209,85m^2 do nằm trong quy hoạch nên được ghi chú tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất "Khi thu hồi đất, nhà nước không bồi thường thiệt hại về đất, không bồi thường công trình kiến trúc trên đất, chỉ bồi thường hoa màu trên đất nếu có theo quy định của pháp luật". Sơ đồ vị trí đất có thể hiện trên Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 4201090820 cấp cho cụ Hoàng Thị Hồng V ngày 20/5/2004 trong đó có 300m^2 đất ở và 1.209,85m^2 đất tạm giao.

Xét phần đất của cụ Hoàng Thị Hồng V được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4201090820 do Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp ngày 20/5/2004 trong đó có 300m^2 đất ở và diện tích 1.209,85m^2 đất tạm giao phù hợp với biên bản xác định ranh giới mốc giới thửa đất nhà số 4 đường M ngày 10/11/1999 xác định phần đất của cụ Hoàng Thị Hồng V được giao có sơ đồ thửa đất: căn nhà số 4 hướng bắc giáp đường M: hướng nam: 49,60 mét giáp đất nông nghiệp; hướng đông giáp đất bà Trâm; hướng tây giáp nhà số 2 (Bút lục số 226).

Trong quá trình cụ Hoàng Thị Hồng V sử dụng đất, nhà nước có thu hồi của cụ Hoàng Thị Hồng V 378,75m^2 thuộc một phần thửa 50 tọa lạc tại số 4 đường ML để sửa chữa Hồ Mê Linh theo Quyết định số 17/QĐ-UB Ngày 07/01/2005 về việc phê duyệt chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng Công trình sửa chữa Hồ Mê Linh - phường 9, thành phố Đ và cụ Hoàng Thị Hồng V được bồi thường số tiền 9.014.000 đồng.

Như vậy có căn cứ xác định cụ Hoàng Thị Hồng V được Nhà nước tạm giao sử dụng diện tích 1.209,85m^2 tọa lạc tại số 4 (12 mới) đường M, Phường 9, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi cụ Hoàng Thị Hồng V chết, hàng thừa kế thứ nhất của vụ Vân yêu cầu được tiếp tục được tạm giao đất để quản lý, sử dụng. Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét tạm giao cho các đồng thừa kế của cụ Hoàng Thị Hồng V được tiếp tục quản lý, sử dụng mà tạm giao cho bà Lê Thị Hồng N, chị Nguyễn Lê Hoài A, chị Nguyễn Lê Hoài T và chị Nguyễn Lê Hoài M được quyền quản lý, sử dụng, diện tích đất tạm giao là 1.168,7m^2 tọa lạc tại số 4 (12 mới) đường M, Phường 9, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng và được quyền làm thủ tục đăng ký biến động, kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất tạm giao trong khi chị Nguyễn Lê Hoài A đang định cư tại Hoa Kỳ là chưa phù hợp với quy định của pháp luật và chưa đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các đồng thừa kế.

Tuy nhiên căn cứ họa đồ đo đạc hiện trạng sử dụng đất lập ngày 08/12/2021 (Bút lục số 453) theo sự chỉ ranh của bà Lê Thị Hồng N thì phần đất theo hiện trạng sử dụng có diện tích 1.593m^2 trong đó 124,3m^2 đất nằm trong lộ giới. Cấp sơ thẩm chưa xác định vị trí, tứ cận đối với diện tích đất tạm giao trong toàn bộ khu đất nhưng lại quyết định giao cho bà Lê Thị Hồng N và các con của bà được quản lý, sử dụng diện tích đất tạm giao là 1.168,7m^2 tọa lạc tại số 4 (12 mới) đường M, Phường 9, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng là chưa đảm bảo việc thi hành án. Đồng thời tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 08/12/2021 (Bút lục 80-81) đã xác định trên diện tích 1.209m^2 01 căn nhà gồ mái ngói, 02 căn nhà tạm, 03 căn nhà tonle do bà Lê Thị Hồng N xây dựng và trồng cây trên đất, cổng rào, hàng rào xung quanh toàn bộ diện tích đất, cần phải tiến hành định giá tài sản, cây trồng gắn trên đất để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Xét thấy việc thu thập chứng cứ chưa thực hiện đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thực hiện bổ sung được. Do đó, hủy bản án dân sự sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, giữ nguyên bản án sơ thẩm là chưa phù hợp với nhận định trên.

[6] Về án phí phúc thẩm: Do hủy án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về chi phí tố tụng, về án phí dân sự sơ thẩm được xem xét giải quyết lại khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 13/2022/DS-ST ngày 12/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Chuyển hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Hoài N 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nộp tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0008880 ngày 22/4/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Hồng T, bà Nguyễn Thị Hồng P, mỗi người 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0008898, 0008899 ngày 09/5/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)